

Số: 840 /GDĐT

Bình Chánh, ngày 30 tháng 6 năm 2020

Về rà soát hiện trạng cơ sở vật chất để
đánh giá nhu cầu trang bị cho các trường
tiểu học công lập trên địa bàn Huyện.

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Tiểu học công lập.

Căn cứ Văn bản số 1902/GDĐT-KHTC ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về rà soát hiện trạng cơ sở vật chất để đánh giá nhu cầu trang bị cho các trường tiểu học công lập trên địa bàn Thành phố.

Nhằm chuẩn bị tốt việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1 và nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và tầm vóc cho học sinh tiểu học trên địa bàn Huyện. Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các trường Tiểu học công lập thực hiện nội dung khảo sát, đánh giá hiện trạng sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị để Phòng Giáo dục và Đào tạo làm cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư trang bị bổ sung thiết bị phù hợp với nhu cầu thực tế với nội dung cụ thể như sau:

1. Biểu mẫu báo cáo:

Các trường Tiểu học công lập: báo cáo số liệu theo biểu mẫu 4, 5, 6 kèm theo.

Lưu ý: Không được thêm bớt nội dung biểu mẫu

2. Cách thức và thời hạn gửi báo cáo:

2.1. Cách thức:

Các đơn vị trường Tiểu học công lập: thực hiện gửi các Phụ lục 4, 5, 6 bằng file giấy và file mềm về Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp.

2.2. Thời hạn gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo: **trước ngày 10/7/2020.**

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị liên hệ đồng chí Phạm Công Bằng - Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo (Điện thoại: 0908.144.175)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- 03 Đ/c PTP; (Để theo dõi)
- Tổ TH; (Để phối hợp)
- Lưu: VP, (B)

TRƯỜNG PHÒNG
PHÒNG
GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO
Nguyễn Trí Dũng

**THÔNG TIN CHUNG**

(Biểu dành cho các đơn vị trường Tiểu học - Công lập)

- Tên trường:
- Địa chỉ:
 - + Trụ sở chính (cơ sở 1):
 - + Cơ sở 2, 3 (nếu có):
- Email (của trường):
- Số điện thoại:
- Thông tin Hiệu trưởng:
 - Họ và tên:
 - Số điện thoại liên hệ:

Cấp lớp	Hiện trạng NH 2019-2020									Ghi chú
	Số lớp	Số học sinh	Số lớp học 1 buổi	Số lớp học 2 buổi	Số phòng học hiện trạng dành cho từng	Số lượng phòng học dùng chung	Kích thước			
							Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích (m2)	
1. Toàn trường:										
Tổng cộng										
Lớp 1										
Lớp 2										
Lớp 3										
Lớp 4										
Lớp 5										
2. Các cơ sở (nếu có) :										
2.1. Cơ sở 1 (điểm chính): (ghi địa chỉ)										
Tổng cộng										
Lớp 1										
Lớp 2										
Lớp 3										
Lớp 4										
Lớp 5										
2.2. Cơ sở 2: (ghi địa chỉ)										
Tổng cộng										
Lớp 1										
Lớp 2										
Lớp 3										
Lớp 4										
Lớp 5										

(Nhập tương tự thông tin của các cơ sở còn lại theo hướng dẫn như trên)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên và số ĐT)

Thủ trưởng đơn vị

**HIỆN TRẠNG KHU VỰC SÂN CHƠI**

(Biểu dành cho các đơn vị trường Tiểu học - Công lập)

Khu vực sân chơi	Tổng diện tích khu vực sân chơi (m ²)	Khu vực sân chơi <u>còn trống</u> để bổ sung thiết bị			Hiện trạng nền sân (lát gạch, nền đất, nền bê tông ...)	Ghi chú
		Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích (m ²)		
1. Cơ sở 1 (điểm chính): (ghi địa chỉ)						
Sân 1						
Sân 2						
Sân ...						
Sân ...						
2. Cơ sở 2: (ghi địa chỉ)						
Sân 1						
Sân 2						
Sân ...						
Sân ...						

(Nhập tương tự thông tin của các cơ sở còn lại theo hướng dẫn như trên)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên và số ĐT)

Thủ trưởng đơn vị



HIỆN TRẠNG TRANG THIẾT BỊ TIỂU HỌC

(Biểu dành cho các đơn vị trường Tiểu học - Công lập)

Stt	Thiết bị theo Thông tư 16/2009/TT-BGD ngày 16/07/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo		Đơn vị tính	Số lượng thiết bị hiện trạng (bao gồm trụ sở chính và cơ sở)			Ghi chú
				Tổng cộng	Còn đang sử dụng tốt	Đã hư hao, xuống cấp	
1	2		3	4 = 5 + 6	5	6	7
I- Môn Toán							
1	Bộ chữ số, dấu phép tính, dấu so sánh	Các chữ số từ 0 đến 9 (mỗi chữ số có 4 thẻ chữ) có kích thước (30 x50)mm, in chữ màu và gắn được lên bảng. Các dấu phép tính, dấu so sánh (mỗi dấu 02 thẻ) có kích thước (30x50)mm, in chữ màu và gắn được lên bảng.	Bộ				
2	Bộ thiết bị dạy phép cộng, phép trừ	Các dấu phép tính, dấu so sánh (mỗi dấu 02 thẻ) có kích thước (40x75)mm, in chữ màu và gắn được lên bảng. Loại 20 que tính có chiều dài 100mm và 10 mô hình bó chục in trên giấy couché (theo mô hình SGK), có màu tươi sáng. Loại 20 que tính có chiều dài 200mm và 10 mô hình bó chục chục in trên giấy couché (theo mô hình SGK), có màu tươi sáng.	Bộ				
3	Bộ hình vuông, hình tròn hình tam giác	10 hình vuông kích thước (40x40)mm, có màu tươi sáng. 8 hình tròn $\Phi 40$ mm, có màu tươi sáng. 8 hình tam giác đều cạnh 40mm, có màu tươi sáng. 2 hình tam giác vuông cân có cạnh góc vuông 50mm, có màu tươi sáng. 2 hình tam giác vuông có 2 cạnh góc vuông 40mm; 60mm, có màu tươi sáng. 10 hình vuông kích thước (160x160)mm, có màu tươi sáng. 8 hình tròn $\Phi 160$ mm, có màu tươi sáng. 8 hình tam giác đều cạnh 160mm, có màu tươi sáng. 2 hình tam giác vuông cân có cạnh góc vuông 200mm, có màu tươi sáng. 2 hình tam giác vuông có 2 cạnh góc vuông 160mm; 240mm, có màu tươi sáng.	Bộ				
4	Mô hình đồng hồ	Quay được cả kim giờ, kim phút.	Cái				
II- Môn Tiếng Việt							
1	Bộ mẫu chữ viết trong trường Tiểu học	Gồm 8 tờ, kích thước (540x790)mm đúng sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ.	Bộ				
2	Bộ chữ Học văn thực hành	Gồm 80 thẻ chữ, kích thước (20x60)mm, in 29 chữ cái tiếng Việt (Font chữ Vnavant, cỡ 72, in đậm) : <i>d, đ, k, p, q, r, s, v, x, y</i> (mỗi chữ cái có 2 thẻ) ; <i>a, ă, â, b, c, e, ê, g, i, l, n, o, ô, ơ, u, ư</i> - (mỗi chữ cái có 3 thẻ) ; <i>h, m, t</i> (mỗi chữ cái có 4 thẻ). Dấu ghi thanh in trên 12 mảnh nhựa trong, dùng để cài lên quần chữ : <i>hỏi, ngã, nặng</i> (mỗi dấu có 2 mảnh), <i>huyền, sắc</i> (mỗi dấu có 3 mảnh).	Bộ				
3	Bộ chữ Học văn biểu diễn	Gồm 97 thẻ chữ, kích thước (60x90)mm, in 29 chữ cái tiếng Việt (Font chữ Vnavant, cỡ 150, in đậm) : <i>b, đ, đ, e, l, o, r, s, v, x</i> (mỗi chữ cái có 2 thẻ) ; <i>ă, â, q</i> (mỗi chữ cái có 3 thẻ) ; <i>a, c, ê, g, i, k, m, o, ô, p, u, ư</i> -, <i>y</i> (mỗi chữ cái có 4 thẻ), <i>n, t</i> (mỗi chữ cái có 5 thẻ) ; <i>h</i> (6 thẻ). Dấu ghi thanh (<i>huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng</i>), dấu câu (<i>dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi</i>) in trên mảnh nhựa trong (mỗi dấu có 2 mảnh). Các thẻ được in 2 mặt (chữ màu đỏ), một mặt in chữ cái thường, mặt sau in chữ cái hoa tương ứng. Bảng phụ có 6 thanh nẹp gắn chữ (6 dòng), kích thước (1000x900)mm.	Bộ				
III- Âm nhạc							
1	Thanh phách	Theo mẫu của nhạc cụ dân tộc hiện hành.	Cái				
2	Song loan	Theo mẫu của nhạc cụ dân tộc hiện hành.	Cái				
3	Trống nhỏ	Đường kính 150mm, chiều cao 50mm.	Cái				
IV- Thể dục							
1	Đồng hồ bấm giây	Loại điện tử hiện số, 2 LAP trở lên, độ chính xác 0,001 giây, không bị ngâm nước.	Cái				
2	Còi	Loại thông dụng	Cái				
3	Cờ đuôi nheo	Bằng vải màu đỏ (vát một bên) cán cao 400mm.	Cái				
4	Thước dây	Thước có độ dài tối thiểu từ 10m.	Cái				
5	Đệm nhảy	Bằng cao su tổng hợp, dày 0,025m, khổ (1000x1000)mm, có thể gắn vào nhau khi cần, không ngâm nước.	Cái				
6	Bóng đá	Bóng số 4, theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT.	Quả				
7	Bóng rổ Cột bóng rổ	Bóng số 5, theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT. Mẫu và kích thước của cột, bảng, lưới theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT.	Bộ				
8	Dây nhảy tập thể	Bằng sợi tổng hợp, độ dài tối thiểu 5m.	Cái				
9	Dây nhảy cá nhân	Bằng sợi tổng hợp, có tay cầm, độ dài khoảng 2,5m.	Cái				
10	Quả cầu đá	Theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT.	Quả				
11	Bóng ném	Loại 150g, theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT.	Quả				
12	Bóng chuyền hơi	Chu vi 700mm - 750mm, trọng lượng 150gram.	Quả				
V- Dụng cụ chung							
1	Bảng nhóm	Kích thước (400x600x0,5)mm, một mặt màu trắng in dòng kẻ li dùng để viết bút dạ xóa được; một mặt màu xanh, dòng kẻ ô vuông trắng dùng để viết phấn.	Cái				
2	Tủ đựng thiết bị	Kích thước (1760x1060x400)mm; ngăn đựng có thể thay đổi được chiều cao; cửa có khóa; chắc chắn, bền vững, đảm bảo an toàn khi sử dụng.	Cái				